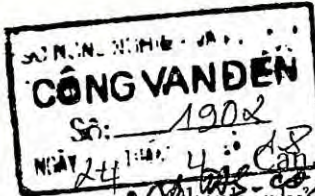


Số: 1621 /KH-UBND

Phú Thọ, ngày 23 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018



Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009; Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020” được phê duyệt tại Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 05/8/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ; Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018; Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 24/01/2017 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016-2020. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng lao động khu vực nông thôn, thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đào tạo nghề theo nhu cầu của lao động nông thôn, yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ bị thu hồi đất.

- Chỉ tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học nghề.

II. MỤC TIÊU

1. Đào tạo nghề cho 9.105 lao động nông thôn, trong đó: Nghề nông nghiệp: 4.709 người (51,7%), nghề phi nông nghiệp: 4.396 người (48,3%)

(Có Biểu chi tiết kèm theo). Tỷ lệ lao động nông thôn sau đào tạo nghề có việc làm mới hoặc thu nhập tăng thêm đạt 80% trở lên;

2. 100% xã, thị trấn trong tỉnh thực hiện tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn;

3. Đào tạo, bồi dưỡng cho 340 cán bộ, công chức xã;

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát theo phân cấp.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch là: 13.238,25 triệu đồng (từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nguồn tiết kiệm ngân sách của tỉnh và huy động các nguồn hợp pháp khác). Trong đó:

+ Kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là: 8.730 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác: 3.508,25 triệu đồng;

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã: 1.000 triệu đồng.

(Có Biểu chi tiết kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban chỉ đạo triển khai Đề án 1956 của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý của ngành và nội dung được phân công phụ trách, tích cực chỉ đạo địa phương, ngành tham gia thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Cơ quan thường trực Đề án 1956 của tỉnh):

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan cập nhật danh mục nghề phi nông nghiệp; tổng hợp bổ sung danh mục nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp (nếu có) trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong công tác truyền thông, tư vấn đào tạo nghề và việc làm.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; kiểm tra, giám sát các đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trình UBND tỉnh xem xét, ban hành và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, tổng hợp.

- Chủ trì, chịu trách nhiệm chỉ đạo đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan cập nhật danh mục nghề nông nghiệp gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn nhiệm vụ đào tạo nghề gắn với quy hoạch, kế hoạch tái cơ cấu của ngành nông nghiệp và mục tiêu của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo, gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động đào tạo nghề, định hướng sản xuất, cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các huyện, thành, thị bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi về công tác đào tạo nghề.

Tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã.

5. Các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh

Giám sát giao kế hoạch, phân bổ kinh phí, hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí, cấp phát, thanh quyết toán đảm bảo kịp thời, đúng nội dung, đúng chính sách và mục tiêu của Kế hoạch, kiểm soát chi đúng đối tượng và định mức được phê duyệt.

6. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền của tỉnh

Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; cung cấp thông tin về các cơ sở có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các nghề đào tạo, các mô hình đào tạo nghề gắn với việc làm hiệu quả tại địa phương để lao động nông thôn biết, có điều kiện tìm hiểu và lựa chọn.

7. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin, truyền thông cung cấp thông tin thị trường hàng hóa; hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm cho lao động nông thôn.

Chỉ đạo, gắn kết các hoạt động khuyến công với hoạt động đào tạo nghề và nhu cầu doanh nghiệp.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

8. Cục Thống kê

Chỉ đạo Chi cục thống kê huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành, thị tiến hành rà soát nhu cầu đào tạo nghề của lao động nông thôn.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị

- Trực tiếp làm chủ đầu tư và chỉ đạo thực hiện các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Kế hoạch được phê duyệt:

+ Xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018, bố trí kinh phí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn khác để thực hiện Kế hoạch;

+ Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế), Phòng Kế hoạch - Tài chính; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và UBND các xã, phường, thị

trần triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định;

+ Xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn (số lượng, nghề đào tạo, trình độ đào tạo), nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làm cơ sở và điều kiện tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

- Tuyên truyền, tư vấn cho lao động nông thôn lựa chọn nghề học phù hợp. Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 trên địa bàn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trước ngày **15/11/2018** để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh năm 2019.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn (như mục tiêu xây dựng nông thôn mới) trên địa bàn, báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, báo cáo UBND huyện phê duyệt.

- Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, gửi UBND cấp huyện để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn gắn với tuyển sinh, đào tạo và giải quyết việc làm sau đào tạo.

- Tuyên truyền, tư vấn cho lao động nông thôn lựa chọn học nghề phù hợp.

- Xác nhận đơn xin học nghề của lao động nông thôn trong xã theo đối tượng được hỗ trợ và khả năng tạo việc làm đối với nghề đăng ký học; Phối hợp với các cơ sở được giao nhiệm vụ dạy nghề cho lao động nông thôn để tuyển lao động nông thôn học nghề đủ điều kiện.

- Tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận các nguồn vốn tín dụng tại địa phương theo quy định; giúp lao động nông thôn tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc tạo việc làm sau đào tạo nghề.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đoàn thể của xã, khu dân cư tham gia vào việc tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn và tổ chức kiểm tra, giám sát việc dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

- Lập danh sách theo dõi, thống kê số người đã học nghề, số người có việc làm sau học nghề theo từng lĩnh vực, số hộ thoát nghèo, số hộ trở thành hộ khá, số người chuyên sang làm công nghiệp, dịch vụ sau đào tạo nghề trên địa bàn.

11. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xác định nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề, đồng thời phối hợp với UBND cấp xã tổ chức tuyển sinh đúng đối tượng.

- Tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp cho lao động nông thôn.

- Theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động nông thôn sau học nghề do cơ sở đào tạo.

- Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đúng chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo nghề đã được phê duyệt. Lập các biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học, tổ chức kiểm tra, công nhận tốt nghiệp đối với người học nghề trình độ sơ cấp đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ cam kết trong hợp đồng đào tạo nghề và quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo đúng tiến độ, báo cáo tình hình, kết quả tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn theo quy định.

V. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm các Sở, ngành; UBND các huyện, thành, thị tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/6/2018; báo cáo năm gửi trước ngày 30/10/2018.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về việc triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện.


- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổng hợp báo cáo định kỳ gửi UBND các huyện, thành, thị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 10/6/2018 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 30/10/2018 (đối với báo cáo năm).

Yêu cầu các sở, ngành; UBND các huyện, thành, thị; Ban chỉ đạo thực hiện Đề án 1956 các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. /

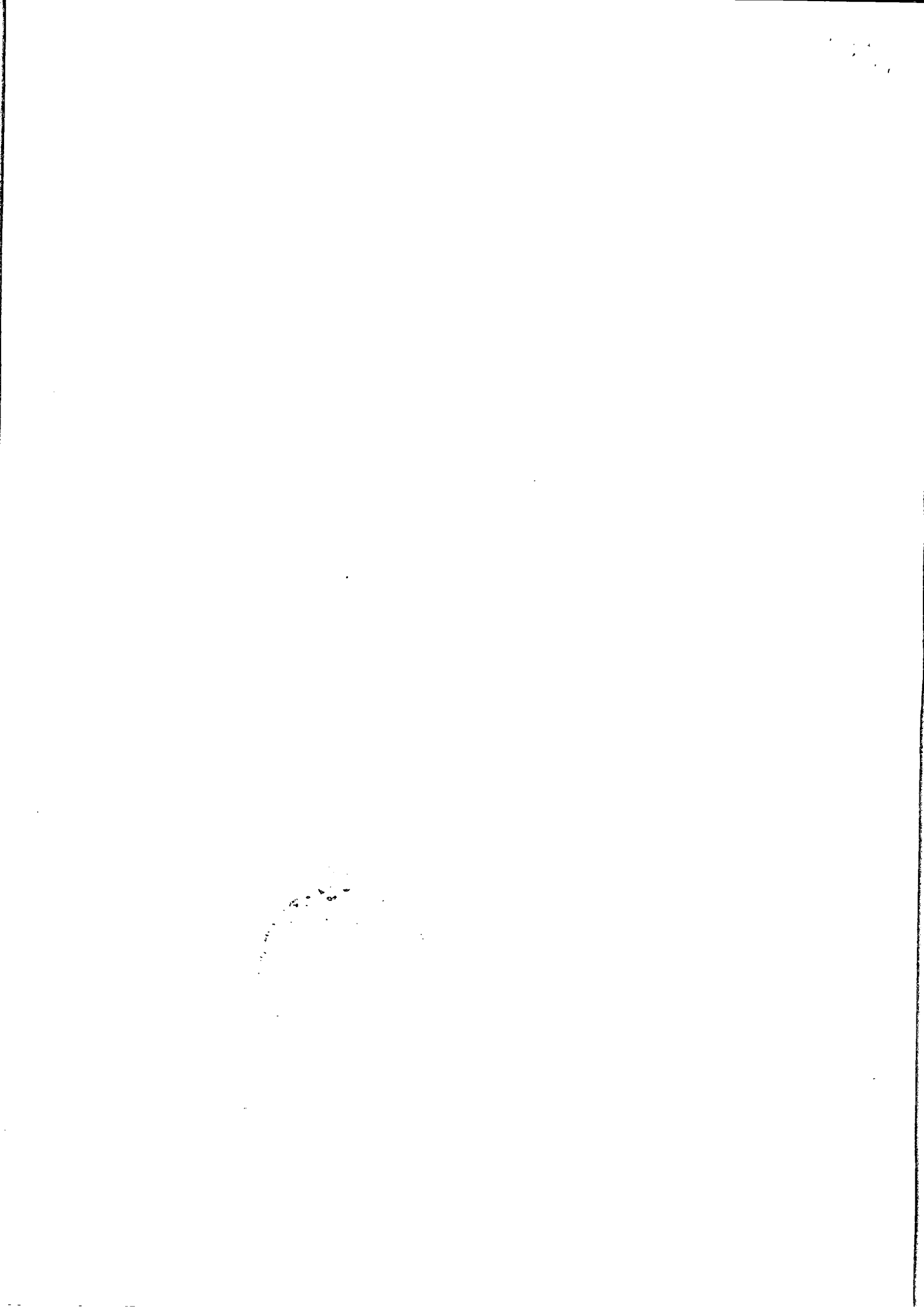
Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH (để b/c);
- TT: TU, HĐND (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Ban VHXX/HĐND tỉnh;
- BCĐ Đề án 1956 tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Báo PT, Đài PTTH tỉnh;
- CPVP, các PCVP;
- Các Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, VX5. (100b). >

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Kế San



CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 1601 /KH-UBND ngày 23 / H /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Nguồn ngân sách đào tạo	Số người			Kinh phí (triệu đồng)
		Tổng số người	Nghề Nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	
A	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	9.105	4.709	4.396	12.238,25
*	Nguồn ngân sách Nhà nước	5.395	3.060	2.335	12.238,25
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	2.910	1.715	1.195	8.730,00
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	2.485	1.345	1.140	3.508,25
	<i>Ngân sách huyện</i>	0	0	0	0
*	Nguồn xã hội hóa	3.710	1.649	2.061	0
I	TP. Việt Trì	1.045	492	553	466,2
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	245	140	105	466,2
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	105	70	35	315
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	140	70	70	151,2
	<i>Ngân sách huyện</i>				
2	Nguồn xã hội hóa	800	352	448	
II	TX Phú Thọ	350	70	280	847,35
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	350	70	280	847,35
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	245	35	210	735
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	105	35	70	112,35
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa				
III	Huyện Thanh Thủy	455	280	175	899,85
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	455	280	175	899,85
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	210	175	35	630
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	245	105	140	269,85
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa				
IV	Huyện Tân Sơn	540	300	240	1.276,5
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	540	300	240	1.276,5
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	360	210	150	1080
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	180	90	90	196,5
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa				
V	Huyện Phù Ninh	420	105	315	989,1
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	420	105	315	989,1
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	280	105	175	840
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	140		140	149,1
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa				
VI	Huyện Thanh Ba	1.000	675	325	929,25
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	420	420	0	929,25
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	245	245	0	735
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	175	175	0	194,25

STT	Nguồn ngân sách đào tạo	Số người			Kinh phí (triệu đồng)
		Tổng số người	Nghề Nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa	580	255	325	
VII	Huyện Yên Lập	835	461	374	702,5
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	345	245	100	702,5
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	170	140	30	510
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	175	105	70	192,5
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa	490	216	274	
VIII	Huyện Thanh Sơn	420	245	175	793,8
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	420	245	175	793,8
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	175	105	70	525
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	245	140	105	268,8
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa				
IX	Huyện Cẩm Khê	1.050	329	721	1.767,15
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	700	175	525	1.767,15
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	525	175	350	1.575
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	175		175	192,15
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa	350	154	196	
X	Huyện Tam Nông	490	350	140	1.036,65
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	460	320	140	1.036,65
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	280	210	70	840
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	180	110	70	196,65
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa	30	30		
XI	Huyện Hạ Hòa	1.030	544	486	651,00
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	350	245	105	651,00
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	140	105	35	420
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	210	140	70	231
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa	680	299	381	
XII	Huyện Lâm Thao	470	288	182	429,9
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	270	200	70	429,9
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	70	35	35	210
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	200	165	35	219,9
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa	200	88	112	
XIII	Huyện Đoan Hùng	1.000	570	430	1.449,0
1	Nguồn ngân sách Nhà nước	420	315	105	1.449,0
	<i>Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM</i>	105	105	0	315
	<i>Ngân sách tỉnh (Hệ A)</i>	315	210	105	1.134,0
	<i>Ngân sách huyện</i>	0			
2	Nguồn xã hội hóa	580	255	325	
B	Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã	340			1.000
	Tổng cộng (A+B)	9.445			13.238,25